

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 25/2021/DS-ST

Ngày: 14/6/2021

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Y Tha Mlô; 2. Bà Cao Thị Hồng Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Cum'gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cum'gar tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Châu – Kiểm sát viên

Trong ngày 14 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cum'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 613/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2021/QĐXXST-DS ngày 07/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2021/QĐST-DS ngày 25/5/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng X (Eximbank)

Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà V, số 72 L, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc C, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng X, chi nhánh B.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phan Minh T, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch P, Ngân hàng X, chi nhánh B. (Có mặt)

Địa chỉ: 240 P, thành phố B, Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Hà Trung N và bà Phan Thị Mỹ P (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Hà Trung Đ, sinh năm 1994; (vắng mặt)

2/ Anh Hà Trung H, sinh ngày 04/11/2000. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/10/2020, quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Minh T trình bày:

Ông Hà Trung N và bà Phan Thị Mỹ P được Ngân hàng X tại chi nhánh Eximbank B – phòng giao dịch P (sau đây gọi tắt là ngân hàng) cấp tín dụng 400.000.000 đồng theo 02 hợp đồng. Cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 1209-LAV-201800623 ngày 19/6/2018 số tiền 400.000.000 đồng, đến ngày 19/6/2019 trả được 200.000.000 đồng tiền gốc, dư nợ gốc đến ngày 22/10/2020 là 200.000.000 đồng. Lãi suất vay là 11%/năm, mục đích vay để chăm sóc cà phê, tiêu và tiêu dùng gia đình, thời hạn vay 24 tháng.

- Hợp đồng tín dụng số 1209-LAV-190060163 ngày 20/6/2019 số tiền 200.000.000 đồng, dư nợ gốc đến ngày 22/10/2020 là 200.000.000 đồng. Lãi suất vay là 11%/năm, mục đích vay để chăm sóc cà phê, tiêu và tiêu dùng gia đình, thời hạn vay 12 tháng.

Khi ký kết các hợp đồng tín dụng trên, ông N và bà P có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản vay. Cụ thể: Hợp đồng thế chấp số 187/2018/EIBBMT-PGDPCT-HĐTC ngày 19/6/2018 thế chấp thửa đất số 116, tờ bản đồ số 20, diện tích 8360 m² tọa lạc tại xã Q, huyện C; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 756053 do UBND huyện CuM'gar cấp ngày 17/7/2015 cho hộ ông Hà Trung N, bà Phan Thị Mỹ P.

Khoản nợ của ông N và bà P đã quá hạn từ ngày 21/6/2020 nhưng ông N và bà P chưa thanh toán nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N và bà P trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền là 478.897.726 đồng. Trong đó, nợ gốc là 400.000.000 đồng, nợ lãi là 78.897.726 đồng tạm tính đến ngày 14/6/2021. Ông N và bà P tiếp tục trả nợ lãi phát sinh từ ngày 15/6/2021 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Trong trường hợp vợ chồng ông N không trả được nợ thì đề nghị phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại biên bản lấy lời khai, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hà Trung Đ trình bày: Anh là con trai đầu của ông Hà Trung N và bà Phan Thị Mỹ P. Năm 2018 và 2019 bố mẹ anh có vay tiền tại Ngân hàng X với số tiền gốc còn nợ là 400.000.000 đồng và tiền lãi, mục đích vay tiền để chăm sóc cà phê, tiêu và làm nhà. Khi vay tiền, bố mẹ anh có thế chấp tài sản là thửa đất số 116, tờ bản đồ số 20, diện tích 8360 m² tại xã Q, huyện C; anh có ký hợp đồng ủy quyền cho bố mẹ anh thế chấp tài sản trên. Hiện nay, khoản nợ vay của bố mẹ anh đã quá hạn, ý kiến của anh và bố mẹ anh là đồng ý bàn giao tài sản cho Ngân hàng xử lý để thu hồi nợ. Bố anh hiện bị tai biến, không đi lại được nên ở với anh tại huyện K còn mẹ anh thì đi

làm ăn tại thành phố H không thể về Tòa án để làm việc được.

Quá trình làm việc và xác minh tại địa phương thì vợ chồng ông Hà Trung N, bà Phan Thị Mỹ P, anh Hà Trung Đ, Hà Trung H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nhưng không có mặt ở địa phương, chính quyền địa phương không biết ông N, bà P, anh Đ, anh H đang ở đâu. Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vợ chồng ông N, bà P, anh Hà Trung Đ, anh Hà Trung H vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên xét xử nên Tòa án không thể lấy ý kiến của các đương sự về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không thể tiến hành hòa giải được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đối với Thẩm phán về cơ bản đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử; đối với Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 463; 464; 466 Bộ luật dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Hà Trung N, bà Phan Thị Mỹ P trả toàn bộ số nợ gốc 400.000.000 đồng và lãi suất cho Ngân hàng X. Trường hợp vợ chồng ông Hà Trung N, bà Phan Thị Mỹ P không trả nợ hoặc không trả nợ đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Về án phí: Ông Hà Trung N và bà Phan Thị Mỹ P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền đã vay và lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng các đương sự vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất

nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về số nợ: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định:

Ông Hà Trung N và bà Phan Thị Mỹ P ký kết với Ngân hàng X tại chi nhánh Eximbank B – phòng giao dịch P 02 hợp đồng tín dụng, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 1209-LAV-201800623 ngày 19/6/2018 vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, đến ngày 19/6/2019 trả được 200.000.000 đồng tiền nợ gốc, dư nợ gốc đến ngày 22/10/2020 là 200.000.000 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 1209-LAV-190060163 ngày 20/6/2019 số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, dư nợ gốc đến ngày 22/10/2020 là 200.000.000 đồng.

Từ ngày vay đến khi hết kỳ hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng, vợ chồng ông N, bà P chưa thanh toán nợ theo thỏa thuận cho Ngân hàng. Xét hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, việc vợ chồng ông N, bà P không trả nợ cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng có quyền yêu cầu bên vay trả toàn bộ số nợ đã vay theo quy định tại điểm h khoản 6.1 Điều 6 Phụ lục Hợp đồng tín dụng. Do đó, cần buộc vợ chồng ông Hà Trung N, bà Phan Thị Mỹ P trả nợ toàn bộ số nợ gốc và lãi suất cho Ngân hàng là phù hợp với quy định tại các Điều 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Cụ thể: Số nợ gốc là 400.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 14/6/2021 là 78.897.726 đồng; tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 1209-LAV-201800623 ngày 19/6/2018 và hợp đồng tín dụng số 1209-LAV-190060163 ngày 20/6/2019 kể từ ngày 15/6/2021 cho đến khi vợ chồng ông Hà Trung N, bà Phan Thị Mỹ P thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ.

[3.2] Về tài sản bảo đảm: Để đảm bảo cho các khoản vay, ông N và bà P có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho khoản vay. Cụ thể: Hợp đồng thế chấp số 187/2018/EIBBMT-PGDPCT-HĐTC ngày 19/6/2018 thế chấp thửa đất số 116, tờ bản đồ số 20, diện tích 8360 m² tọa lạc tại xã Q, huyện C; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 756053 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 17/7/2015 cho hộ ông Hà Trung N, bà Phan Thị Mỹ P. Hợp đồng thế chấp được ký kết và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hà Trung Đ xác định có ký hợp đồng ủy quyền cho ông N, bà P thế chấp tài sản để vay vốn ngân hàng và đồng ý bàn giao tài sản cho ngân hàng xử lý

thu hồi nợ.

Do đó, trường hợp vợ chồng ông N, bà P không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 187/2018/EIBBMT-PGDPCT-HĐTC ngày 19/6/2018 đối với thửa đất số 116, tờ bản đồ số 20, diện tích 8360 m² tọa lạc tại xã Q, huyện C để thu hồi nợ.

Trường hợp vợ chồng ông N, bà P trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng ông N, bà P bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 756053 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 17/7/2015 cho hộ ông Hà Trung N, bà Phan Thị Mỹ P.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu xem xét thẩm định của nguyên đơn là có căn cứ nên bị đơn ông Hà Trung N, bà Phan Thị Mỹ P phải chịu 1.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng được nhận lại 1.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định sau khi thu được từ vợ chồng ông Hà Trung N, bà Phan Thị Mỹ P.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn vợ chồng ông Hà Trung N, bà Phan Thị Mỹ P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả. Cụ thể:

Án phí = 20.000.000đ + (478.897.726đ - 400.000.000đ) x 4% = 23.156.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 158; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 463; 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 12/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng X.

Buộc vợ chồng ông Hà Trung N, bà Phan Thị Mỹ P có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng X tổng số tiền gốc và tiền lãi còn nợ là 478.897.726 đồng. Trong đó: nợ gốc 400.000.000 đồng và nợ lãi là 78.897.726 đồng tính đến ngày 14/6/2021, tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 1209-LAV-

201800623 ngày 19/6/2018 và hợp đồng tín dụng số 1209-LAV-190060163 ngày 20/6/2019 kể từ ngày 15/6/2021 cho đến khi vợ chồng ông Hà Trung N, bà Phan Thị Mỹ P thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ.

Khi vợ chồng ông Hà Trung N, bà Phan Thị Mỹ P trả xong nợ thì Ngân hàng X có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng ông N, bà P bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 756053 do UBND huyện CưM'gar cấp ngày 17/7/2015 cho hộ ông Hà Trung N, bà Phan Thị Mỹ P.

Trường hợp vợ chồng ông Hà Trung N, bà Phan Thị Mỹ P không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng X có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp số 187/2018/EIBBMT-PGDPCT-HĐTC ngày 19/6/2018 đối với thửa đất số 116, tờ bản đồ số 20, diện tích 8360 m² tọa lạc tại xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk để thu hồi nợ.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Vợ chồng ông Hà Trung N, bà Phan Thị Mỹ P phải chịu 1.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ngân hàng X được nhận lại 1.000.000 đồng tiền tạm ứng xem xét thẩm định tại chỗ sau khi thu được vợ chồng ông Hà Trung N, bà Phan Thị Mỹ P.

Về án phí: Vợ chồng ông Hà Trung N, bà Phan Thị Mỹ P phải chịu 23.156.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng X được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.698.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0016514 ngày 07/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện CưM'gar.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện CưM'gar
- THADS huyện CưM'gar
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thiên Lý

